

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: *06*/2021/HĐTV/HUNGSON

CÔNG VIỆC: CUNG CẤP DỊCH VỤ TƯ VẤN KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH PHỤC VỤ THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KHU BIỆT THỰ HÙNG SƠN, THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

ĐỊA ĐIỂM: THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ HÙNG SƠN

Và

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH

Thanh Hóa, năm 2021



PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 10 tháng 03 năm 2021, tại văn phòng Công ty TNHH Một thành viên đầu tư Hùng Sơn, chúng tôi gồm:

1. CHỦ ĐẦU TƯ

Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ HÙNG SƠN**
Đại diện : **Ông Trần Đức Nhất**
Chức vụ : **Giám đốc**
Địa chỉ : Thôn 3, xã Quảng Hùng, TP.Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Tài khoản số : 6318588-001 Tại Ngân hàng Indovina – Chi nhánh Thiên Long.
Mã số thuế : 2802526898

(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

2. NHÀ THẦU

Tên giao dịch : **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH**
Đại diện : **Ông Đinh Công Hòa**
Chức vụ : **Giám đốc**
Địa chỉ : Tầng 2, nhà 5 tầng, Trường Đại học Mở - Địa chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : (024) 38363137 Fax: (024) 37550807
Tài khoản số : 1462201006407 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh Tây Đô
Mã số thuế : 0100531036

(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**" tùy theo ngữ cảnh.

XÉT RẰNG:

- (i) Bên A là Công ty TNHH Một thành viên đầu tư Hùng Sơn là Chủ Đầu Tư Dự Án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng Sơn. Bên A có nhu cầu thuê khảo sát địa hình của Dự Án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- (ii) Bên B là Nhà Thầu có đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát địa hình cho Dự Án nêu trên của Bên A.

Các Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tư vấn khảo sát địa hình ("**Hợp Đồng**") với những điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. Định nghĩa

- a. Yêu cầu cụ thể: theo nhiệm vụ và phương án khảo sát đã được Chủ đầu tư phê duyệt.
- b. Bên B bắt buộc phải có hình ảnh chụp quá trình đo đạc, khảo sát và cung cấp để Bên A có thể kiểm soát thường xuyên, liên tục hoặc tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian Bên B đang thực hiện công việc tại hiện trường.
- c. Thực hiện các công việc khảo sát theo đúng nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát đã được Chủ Đầu Tư phê duyệt, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các yêu cầu kỹ thuật về khảo sát xây dựng được áp dụng. Thực hiện kiểm soát chất lượng khảo sát xây dựng theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
- d. Báo cáo kết quả khảo sát địa hình tổng thể của dự án phải được kiểm tra tính phù hợp theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;
- e. Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Bên A yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.
- f. Hỗ trợ Bên A trong quá trình làm việc với các Cơ Quan Có Thẩm Quyền, chuẩn bị hồ sơ, văn bản và tài liệu có liên quan để giải trình các Sản Phẩm tư vấn của Bên B trước Bên A và/hoặc Cơ Quan Có Thẩm Quyền.

ĐIỀU 6. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM TƯ VẤN

6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm tư vấn

Các Công Việc của Bên B phải đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, nội dung theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, các yêu cầu của Bên A và của Cơ Quan Có Thẩm Quyền.

6.2. Số lượng sản phẩm tư vấn:

- a. Bên B có trách nhiệm bàn giao cho Bên A 10 bộ Báo cáo kết quả khảo sát địa hình khu vực đo đạc theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP (và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, tùy từng thời điểm) sau khi hoàn thành chỉnh sửa theo ý kiến của Bên A và đơn vị thẩm tra/thẩm định và 01 (một) USB ghi lại toàn bộ nội dung của Báo cáo khảo sát địa hình ở file dạng gốc có thể chỉnh sửa được như word, excel, autocad, v.v... Báo cáo kết quả khảo sát phải được ký bởi Đại diện hợp pháp và đóng dấu của Bên B.
- b. Các Sản Phẩm của Hợp Đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên A và Bên A có toàn quyền sử dụng.

ĐIỀU 7. NGHIỆM THU SẢN PHẨM

7.1. Căn cứ nghiệm thu Sản Phẩm:

- a. Hợp Đồng này
- b. Nhiệm vụ khảo sát và phương án khảo sát đã được Chủ Đầu Tư phê duyệt
- c. Quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát được áp dụng
- d. Hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát địa hình theo quy định tại Hợp Đồng và quy định Pháp luật
- e. Quyết định phê duyệt hồ sơ khảo sát địa hình của Chủ Đầu Tư
- f. Các tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Bên A và/hoặc quy định Pháp luật.

7.2. Nghiệm thu Sản Phẩm:

- a. Thành phần nghiệm thu
 - i. Đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của Bên A;
 - ii. Đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của Bên B;
 - iii. Bên thứ ba khác theo yêu cầu của Bên A.
- b. Nội dung nghiệm thu
 - i. Kiểm tra chất lượng Báo cáo kết quả khảo sát hồ sơ Công Việc các bước đã được Bên A phê duyệt theo quy định tại Hợp Đồng và quy định Pháp luật; Kiểm tra khối lượng công việc tư vấn đã thực hiện, xem xét sự phù hợp về nhiệm vụ, yêu cầu Công Việc và các nội dung khác theo quy định của Hợp Đồng và quy định pháp luật;
 - ii. Kiểm tra những sai sót trong Sản Phẩm tư vấn Bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thoả thuận trong Hợp Đồng;
 - iii. Kết luận về việc nghiệm thu Báo cáo kết quả khảo sát. Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu Sản Phẩm do Bên B cung cấp, Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu các Sản Phẩm. Bên B có trách nhiệm sửa chữa những sai sót (nếu có) trong khoảng thời gian được Hai Bên thống nhất.
- c. Nội dung biên bản nghiệm thu Sản Phẩm tư vấn: Đối tượng nghiệm thu; thành phần trực tiếp nghiệm thu; thời gian và địa điểm nghiệm thu; kết luận nghiệm thu (đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu); chữ ký, họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật/người được ủy quyền và đóng dấu pháp nhân của các thành phần trực tiếp nghiệm thu; các nội dung khác (nếu có).
- d. Các giai đoạn nghiệm thu Sản Phẩm: Sản Phẩm tư vấn của Bên B có thể được nghiệm thu theo nhiều giai đoạn tương ứng với Sản Phẩm bàn giao theo yêu cầu của Bên A để phù hợp với tiến độ thi công ngoài công trường hoặc các yêu cầu khác của Bên A.

ĐIỀU 8. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 8.1. Thời gian thực hiện Công Việc là thời gian để Bên B hoàn thành Sản Phẩm tư vấn để trình Bên A xem xét, thẩm tra, thẩm định hoặc phê duyệt. Thời gian thực hiện không bao gồm thời gian chờ xét duyệt, thẩm tra, xem xét khác, điều chỉnh theo ý kiến của Bên Thứ Ba hoặc thời gian giám sát tác giả cũng như các trường hợp bất khả kháng. Thời gian thực hiện Hợp Đồng bắt đầu kể từ ngày bên A gửi thông báo trúng thầu cho bên B.
- 8.2. Bên B cam kết sẽ thực hiện các Công Việc trong Hợp Đồng này theo yêu cầu của Bên A để đáp ứng tiến độ thi công tại công trường trên cơ sở các cuộc họp thống nhất giữa Hai Bên. Tiến độ để Bên B thực hiện Công Việc là 30 Ngày (kể cả Ngày lễ Tết và Ngày nghỉ) kể từ Ngày nêu tại Khoản 8.1 Hợp Đồng này. Chi tiết tiến độ triển khai công việc theo bản Phương án kỹ thuật khảo sát địa hình đính kèm hợp đồng này.
- 8.3. Bên B không được phép trì hoãn hay chậm trễ Công Việc của mình trừ các trường hợp được nêu tại Hợp Đồng này hoặc khi sự chậm trễ này gây ra bởi Bên A. Khi đó, Hai Bên cùng thỏa thuận gia hạn thời gian thực hiện Hợp Đồng và ký kết Phụ lục Hợp Đồng bổ sung.

- 8.4. Trong thời gian thực hiện Hợp Đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp Đồng thì Một Bên phải thông báo cho Bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của Một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn Hợp Đồng, Các Bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp Đồng. Việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp Đồng do lỗi của Bên B không được phép làm tăng Giá trị Hợp Đồng.

ĐIỀU 9. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN

9.1. Giá Trị Hợp Đồng:

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
- Giá trị hợp đồng: **1.223.325.000 đồng**
- *(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./.)*
- Giá đã bao gồm thuế VAT 10%
- Chi tiết giá trị Hợp đồng xem Phụ lục số 01 – Bảng tính Giá trị Hợp đồng.

Nội dung của Giá Trị Hợp Đồng:

- a. Giá Trị Hợp Đồng trên đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định của Nhà nước và mọi khoản chi phí liên quan để Bên B hoàn thành công việc theo đúng Hợp Đồng như: chi phí nhân sự; chi phí vật tư, vật liệu, máy móc, nhân công, chi phí vận chuyển, ...; chi phí quản lý; chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp; chi phí đi thực địa, khảo sát địa hình; chi phí đi lại, ăn ở của nhân viên Bên B liên quan đến việc thực hiện công việc Hợp Đồng; chi phí lập báo cáo khảo sát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện Hồ sơ; các chi phí khác liên quan.
- b. Giá Trị Hợp Đồng là giá trị tạm tính. Giá trị quyết toán của Hợp Đồng sẽ căn cứ vào khối lượng công việc thực tế Bên B thực hiện được Bên A chấp thuận, nhân với Đơn giá từng Công Việc trong Hợp Đồng này
- c. Đơn giá cho từng Công Việc theo Hợp đồng là đơn giá cố định. Đơn giá này được quy định chi tiết tại Phụ Lục kèm theo Hợp Đồng này.
- d. Đối với các Công Việc phát sinh được Bên A chấp thuận mà có tính chất tương tự như những Công Việc được đề cập Hợp Đồng này, bao gồm cả công tác khoan thăm dò tới chiều sâu lớn hơn những Công Việc thuộc phạm vi Hợp Đồng này, các Đơn giá Hợp Đồng vẫn được áp dụng.
- e. Với các Công Việc phát sinh khác ngoài những Công Việc nêu trên, Hai Bên sẽ cùng nhau thỏa thuận Đơn giá mới trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

9.2. Tiền tạm ứng, thanh toán

- a) Tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% Giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là **366.997.500 VNĐ** *(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín ./.)*. Sau khi hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận đủ hồ sơ tạm ứng của bên B. Hồ sơ tạm ứng gồm:
 - Đề nghị tạm ứng của bên B;

- Hóa đơn GTGT hợp lệ do bên B cung cấp tương ứng với số tiền được tạm ứng;
 - Hợp đồng gốc có xác nhận của Hai Bên;
- b) Thanh quyết toán: Khi Bên B hoàn thành xong toàn bộ công việc của hợp đồng, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn lại cho Bên B trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ theo Điều 22 của Hợp đồng này.
- 9.3. Hình thức thanh toán:** chuyển khoản.
- 9.4. Đồng tiền thanh toán:** đồng Việt Nam.

ĐIỀU 10. ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng sẽ được điều chỉnh giá trong các trường hợp sau:

- a) Bên A yêu cầu thay đổi phạm vi Công Việc hợp đồng này.
- b) Do nguyên nhân Bất Khả Kháng quy định tại Điều 18 hợp đồng ảnh hưởng tới giá Hợp Đồng và được Bên A chấp thuận bằng văn bản.
- c) Các trường hợp khác theo thỏa thuận của Hai Bên.

Trong các trường hợp phải điều chỉnh giá Hợp Đồng, trước khi tiến hành công việc, Hai Bên sẽ cùng bàn bạc, thỏa thuận về phương pháp, cách thức và phạm vi điều chỉnh Hợp Đồng. Chi phí phát sinh sẽ được tính toán trên cơ sở tính toán Giá Hợp Đồng và được Hai Bên thỏa thuận bằng văn bản và đưa vào Phụ Lục Hợp Đồng.

ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

11.1. Quyền của Bên A:

- a) Toàn quyền sở hữu và sử dụng Sản Phẩm Tư Vấn của Hợp Đồng. Được sử dụng các thông tin, hồ sơ, tài liệu, sản phẩm từ việc thực hiện Công Việc Tư Vấn của Bên B để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, thực hiện Dự Án mà không cần sự đồng ý của Bên B.
- b) Không nghiệm thu Sản Phẩm Tư Vấn xây dựng không đạt chất lượng và tiến độ theo Hợp Đồng, trừ trường hợp Bên A có quyết định khác.
- c) Kiểm tra, yêu cầu sửa đổi, bổ sung Công Việc Tư Vấn của Bên B nếu thấy cần thiết. Được Bên B báo cáo định kỳ hoặc đột xuất các vấn đề liên quan đến Công Việc Tư Vấn theo quy định tại Hợp Đồng hoặc theo yêu cầu của Bên A.
- d) Yêu cầu Bên B, bằng chi phí của mình, sửa đổi, bổ sung Sản Phẩm Tư Vấn của Bên B, bao gồm cả Sản Phẩm Tư Vấn do Nhà Thầu Phụ thực hiện cho đến khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phê duyệt của Bên A và/hoặc Cơ Quan Có Thẩm Quyền.
- e) Tạm dừng hoặc Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng theo quy định.
- f) Yêu cầu Bên B cung cấp danh sách nhân sự đủ điều kiện năng lực, chuyên môn thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bổ sung, thay thế các nhân sự mà Bên A nhận thấy không đủ năng lực thực hiện Công Việc. Nếu Bên B không thay đổi nhân sự theo yêu cầu của Bên A hoặc Bên B tự ý thay đổi nhân sự hoặc thuê lại đơn vị khác thực hiện Công

- 20.4 Nếu Bên B không thực hiện chế độ nghiệm thu, Bên B thực hiện chế độ nghiệm thu nhưng thực hiện không đầy đủ thì Bên B phải chịu phạt 02% (hai phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng trên mỗi lần vi phạm.
- 20.5 Nếu Bên B tính toán sai (cả lỗi số học) khối lượng thi công và kinh phí công trình (thừa hoặc thiếu) từ 05% (năm phần trăm) giá trị dự toán trở lên thì Bên B phải điều chỉnh bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Bên A .
- 20.6 Không mâu thuẫn với các điều khoản của Hợp Đồng, trong trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A hoặc Bên B theo quy định tại Điều 14.1, Bên A hoặc Bên B sẽ bị phạt 15% (mười năm phần trăm) Giá trị Hợp Đồng và bồi thường mọi thiệt hại xảy ra cho Bên A hoặc Bên B nếu bên đó vi phạm điều khoản của Hợp Đồng.
- 20.7 Tiền phạt vi phạm và tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) sẽ được cộng dồn hoặc khấu trừ vào đợt thanh toán gần nhất trước đợt thanh toán cuối của Hợp Đồng.

ĐIỀU 21. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Bên B phải bồi thường những thiệt hại về người và tài sản xảy ra cho Bên A và các bên thứ ba có liên quan xảy ra trong quá trình Bên B thực hiện các Công Việc được quy định trong Hợp Đồng cũng như những thiệt hại phát sinh từ những Sản Phẩm Tư Vấn của Bên B khi đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 22. QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

22.1 Quyết toán Hợp Đồng

- a. Trong vòng 07 (bảy) Ngày kể từ ngày nhận được Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A hồ sơ quyết toán Hợp Đồng với các tài liệu chi tiết được Bên A chấp thuận. Nếu không phát sinh vấn đề phải sửa đổi, bổ sung, trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ quyết toán hoặc thời hạn khác theo thỏa thuận của Hai Bên, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ giá trị theo quyết toán Hợp Đồng này sau khi trừ đi các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại, các khoản chi phí khác thuộc về nghĩa vụ của Bên B, trừ trường hợp được Các Bên thống nhất điều chỉnh Giá Trị Hợp Đồng.
- b. Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin, tài liệu khi Bên A có yêu cầu trong trường hợp Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán Hợp Đồng.

Hồ sơ quyết toán (06 bản gốc):

- i. Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành và các tài liệu kèm theo có xác nhận của bên A. Bên A ký biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành sau khi bên B đã nộp đầy đủ báo cáo khảo sát địa hình cho bên A và bên B đã hỗ trợ bên A bảo vệ xong kết quả khảo sát địa hình với cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế.
- ii. Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị quyết toán;
- iii. Biên bản thanh lý hợp đồng;
- iv. Đề nghị quyết toán của bên B;
- v. Hóa đơn GTGT hợp lệ do bên B cung cấp tương ứng với số tiền được quyết toán (đã trừ đi giá trị tạm ứng và thanh toán).

22.2 Thanh lý Hợp Đồng

Hợp Đồng được thanh lý trong trường hợp:

- a. Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp Đồng;
- b. Hợp Đồng bị chấm dứt theo quy định của Điều 14 của Hợp Đồng.

Trong thời hạn 07 (bảy) Ngày kể từ ngày Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp Đồng hoặc Hợp Đồng bị chấm dứt theo Điều 14, Các Bên phải hoàn thành ký kết thanh lý Hợp Đồng.

Để làm rõ, việc ký kết Biên Bản Thành Lý Hợp Đồng không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của việc chấm dứt Hợp Đồng.


ĐIỀU 23. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 23.1 Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và cùng bàn bạc giải trên tinh thần thiện chí, xây dựng bảo đảm quyền lợi của cả Hai Bên.
- 23.2 Trường hợp thương lượng không có kết quả thì một trong Hai Bên có quyền gửi vụ việc tới Toà án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng có tính chất bắt buộc với Các Bên. Án phí sẽ do Bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 24. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 24.1 Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp Đồng này phải được Các Bên thỏa thuận, xác lập bằng văn bản, có đầy đủ chữ ký của người đại diện và con dấu của mỗi Bên. Văn bản về việc sửa đổi và/hoặc bổ sung Hợp Đồng là một phần không tách rời của Hợp Đồng.
- 24.2 Khi một Bên không yêu cầu Bên kia thực hiện một nghĩa vụ nào theo Hợp Đồng này tại bất kỳ thời điểm nào, việc đó vẫn không ảnh hưởng đến quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đó vào bất kỳ thời điểm nào sau này trong thời hạn có hiệu lực của Hợp Đồng. Việc một Bên miễn cho Bên kia việc khắc phục sửa chữa một vi phạm đối với bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này không được coi là sự miễn trách nhiệm khắc phục một vi phạm tương tự hay vi phạm khác xảy ra sau đó.
- 24.3 Hợp Đồng này có 20 trang và 01 Phụ lục, được lập thành 08 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 04 (bốn) bản để thực hiện.
- 24.4 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A *biên*



GIÁM ĐỐC
Trần Đức Nhất

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
TS. Đinh Công Hòa

PHỤ LỤC 01: BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG
(*Đính kèm Hợp Đồng số ĐG/2021/HĐTV/HUNGSON*)

STT	Mã CV	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CF.11220	Công tác đo lưới không chế mặt bằng, đường chuyên hạng 4, Bộ thiết bị GPS (3 máy)	điểm	3,0000	18.963.662	56.890.985
2	CF.11320	Công tác đo lưới không chế mặt bằng đường chuyên cấp I, Bộ thiết bị GPS (3 máy)	điểm	8,0000	10.380.038	83.040.300
3	CF.11620	Công tác đo lưới không chế mặt bằng, đường chuyên cấp II, Bộ thiết bị GPS (3 máy)	điểm	4,0000	3.117.757	12.471.028
4	CG.11230	Công tác đo không chế độ cao, thủy chuẩn hạng IV, cấp địa hình III	km	3,0000	3.300.908	9.902.723
5	CG.11220	Công tác đo không chế độ cao, thủy chuẩn hạng IV, cấp địa hình II	km	5,0000	2.546.834	12.734.168
6	CG.11330	Công tác đo không chế độ cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	3,0000	1.696.482	5.089.447
7	CG.11320	Công tác đo không chế độ cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình II	km	1,0000	1.350.769	1.350.769
8	CK.21320	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình II	1ha	28,4000	2.998.914	85.169.163
9	CK.31750	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình dưới nước; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình V	100ha	1,2500	142.103.002	177.628.753
10	CH.11120	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình II	100m	10,0000	800.407	8.004.068
11	CH.11450	Đo vẽ mặt cắt ngang ở dưới nước; cấp địa hình V	100m	51,0000	3.758.480	191.682.502
12	CH.11450	Đo vẽ mặt cắt ngang ở dưới nước phục vụ tính toán lan truyền sóng; cấp địa hình V	100m	150,0000	3.758.480	563.772.064
13	CF.11620	Công tác đo tọa độ hồ khoan	điểm	5,0000	3.117.757	15.588.785
		TỔNG CỘNG				1.223.325.000